

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/DS - ST

Ngày 18 – 7 - 2017

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thịnh - Cán bộ hưu trí xã Tiền Châu

2. Bà Nguyễn Thị Kim Luyến - Chủ tịch Hội phụ nữ phường Trung Trắc.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2017/TLST- DS ngày 15 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

1.1 Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1964.

1.2 Anh Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1989.

1.3 Anh Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1987.

Đều trú tại: Tổ dân phố Đ1, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

1.4 Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1991.

Trú tại: Tổ dân phố Đ2, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Anh K, anh Q và chị M đều ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc P theo giấy ủy quyền ngày 28 tháng 02 năm 2017. Tại phiên tòa ông Phong và anh Q có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Đầu tư D.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Văn Đ- Chức vụ giám đốc

Địa chỉ: Tổ 14 đường H, phường T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 02 năm 2017, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc P trình bày như sau:

Ngày 13/8/2015 ông P cho Công ty TNHH Đầu tư D vay 02 cây 05 phân vàng nhẫn tròn 9999, lãi suất 100.000đ/1 cây/1 tháng. Thời hạn vay là 06 tháng. Ngoài ra ông P còn cho công ty vay tiền làm nhiều lần khác nhau, giữa hai bên đã thanh toán và chốt nợ tính đến ngày 05/01/2016 ông P cho Công ty TNHH Đầu tư D vay số tiền là 280.000.000đ, lãi suất 6%/năm, thời hạn vay là 06 tháng. Đến hạn công ty đã trả nợ cho ông P làm nhiều lần với tổng số tiền gốc là 213.000.000đ và tiền lãi nhưng ông không nhớ là bao nhiêu. Nay ông P xác định Công ty còn nợ số tiền gốc của giấy vay nợ ngày 05/01/2016 là 67.000.000đ và 02 cây 05 phân vàng nhẫn tròn 9999. Tại đơn khởi kiện ông đề nghị quy đổi tỷ giá vàng ra tiền là 3.430.000đ/ 1 chỉ, nhưng tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông nhất trí quy đổi vàng ra tiền là 3.100.000đ/01 chỉ nhẫn tròn 9999, 01 cây vàng là 31.000.000đ (02 cây 05 phân vàng nhẫn tròn 9999 = 63.550.000đ). Quan điểm của ông P yêu cầu công ty D phải có trách nhiệm thanh toán trả toàn ngay bộ số tiền gốc là 67.000.000đ + 63.550.000đ = 130.550.000đ, ông không yêu cầu trả lãi, sau này bản án có hiệu lực Công ty không trả ông mới yêu cầu trả lãi. Toàn bộ nguồn tiền và vàng nêu trên là tiền riêng của ông do buôn bán mà có, không liên quan gì đến vợ ông là bà Trần Thị Thanh.

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 02 năm 2017, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa ông Nguyễn Ngọc P là người được nguyên đơn anh K ủy quyền trình bày như sau: Ngày 22/01/2016 anh Nguyễn Ngọc K là con của ông P đã cho Công ty TNHH Đầu tư D do ông Đào Văn Đ làm giám đốc vay số tiền là 51.000.000đ, lãi suất 6%/năm. Công ty đã thanh toán trả cho anh K tổng số tiền gốc là 2.800.000đ và tiền lãi anh không nhớ cụ thể. Nay Công ty còn nợ anh K số tiền gốc là: 48.200.000đ (Bốn tám triệu hai trăm ngàn đồng chẵn), anh K đề nghị Công ty thanh toán ngay toàn bộ số tiền gốc nêu trên. Nguồn tiền để cho công ty D vay là do anh K làm ăn tích cóp mà có không liên quan đến ai.

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 02 năm 2017, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa ông Nguyễn Ngọc P là người được nguyên đơn anh Q ủy quyền trình bày như sau: Ngày 22/01/2016 anh Nguyễn Ngọc Q là con của ông P có cho Công ty TNHH Đầu tư D vay số tiền là 70.000.000 đồng, lãi suất 6%/năm. Ngày 25/8/2015 anh Q tiếp tục cho Công ty TNHH Đầu tư D vay số vàng là 01 cây 05 chỉ vàng nhẫn tròn loại 9999, khi vay hai bên thỏa thuận lợi nhuận 100.000đ/1 cây/tháng, nếu lấy

hàng Công ty trả ngay. Công ty đã thanh toán được cho anh Q số tiền là: 5.203.000 đồng (trong đó tiền lãi là: 4.503.000 đồng; tiền gốc là: 700.000 đồng). Nay Công ty còn nợ anh số tiền gốc là: 69.300.000 đ và 01 cây 05 chỉ vàng nhẫn tròn loại 9999. Tại đơn khởi kiện anh đề nghị quy đổi tỷ giá vàng ra tiền là 3.430.000đ/ 1 chỉ, nhưng tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh thống nhất quy đổi vàng ra tiền là 3.100.000đ/01 chỉ nhẫn tròn , 01 cây vàng là 31.000.000đ (01 cây 05 chỉ vàng nhẫn tròn 9999 là 46.500.000đ). Quan điểm của anh yêu cầu Công ty TNHH Đầu tư D thanh toán ngay số tiền là 115.800.000đ, anh không yêu cầu trả lãi. Nguồn tiền và vàng anh cho Công ty vay là tiền riêng của anh do làm ăn buôn bán tích cóp được, không liên quan đến ai. Tại phiên tòa anh Q cũng có mặt, anh hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của ông P và anh không bổ sung gì thêm.

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 02 năm 2017, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa ông Nguyễn Ngọc P là người được nguyên đơn chị M ủy quyền trình bày như sau: Ngày 25/8/2015 chị M là con gái của ông P có cho Công ty TNHH Đầu tư D vay số tiền là 31.000.000đ, lãi suất hai bên thỏa thuận 6%/năm, khi vay hai bên thỏa thuận nếu lấy hàng thanh toán ngay. Công ty đã thanh toán cho chị M số tiền là: 12.061.000 đồng (trong đó tiền lãi là: 1.761.000đ; tiền gốc là: 10.300.000đ). Nay Công ty còn nợ chị M số tiền gốc là 20.700.000đ, chị yêu cầu Công ty trả ngay cho chị số tiền trên chị không yêu cầu trả lãi. Nguồn tiền chị cho Công ty vay là tài sản riêng của chị.

Tại bản tự khai ngày 31/3/2017, biên bản hòa giải và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Đào Văn Đ trình bày: Ông hoàn toàn nhất trí với các nguyên đơn về thời điểm vay tiền, vay vàng, số lượng tiền và vàng Công ty vay và thời hạn vay như các nguyên đơn đã trình bày. Cụ thể Công ty đã vay của ông P 280.000.000đ và 02 cây 05 phân vàng nhẫn tròn 9999, Công ty đã trả cho ông P tiền gốc là 213.000.000đ và tiền lãi không nhớ cụ thể. Công ty vay của anh Q là 70.000.000đ và 01 cây 05 chỉ vàng nhẫn tròn loại 9999, đã thanh toán cho anh Q số tiền gốc là 700.000đ và tiền lãi thì không nhớ cụ thể. Công ty vay của anh K là 51.000.000đ, đã thanh toán trả cho anh K tổng số tiền là: 2.800.000đ tiền gốc và tiền lãi không nhớ cụ thể. Công ty vay của chị Nguyễn Thị Tuyết M 31.000.000đ, đã trả gốc 10.300.000đ và tiền lãi không nhớ cụ thể. Công ty nhất trí với quan điểm của ông P và anh Q quy đổi vàng ra tiền là 3.100.000đ/01 chỉ nhẫn tròn 9999, 01 cây vàng là 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng).

Nay Công ty còn nợ ông P là 130.550.000đ, nợ anh K 48.200.000đ, nợ anh Q là 115.800.000đ và nợ chị M là 20.700.000đ. Công ty xin trả dần

gốc cho các nguyên đơn từ 100.000đ đến 500.000đ/tháng cho đến khi Công ty thanh toán hết số tiền nợ và xin không trả tiền lãi.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Bị đơn và nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của các đồng nguyên đơn, buộc Công ty TNHH Đầu tư D phải trả cho ông P số tiền 130.550.000đ, trả cho anh K 48.200.000đ, trả cho anh Q là 115.800.000đ, trả cho chị M 20.700.000đ và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Án phí: Công ty TNHH Đầu tư D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 14 tháng 02 năm 2017 các nguyên đơn có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH Đầu tư D do ông Đào Văn Đ làm giám đốc, địa chỉ: Tổ 14 đường H, phường T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, trả cho ông Nguyễn Ngọc P 136.700.000đ, trả cho anh Nguyễn Ngọc K 48.200.000đ, trả cho anh Nguyễn Ngọc Q 120.300.000đ, trả cho chị Nguyễn Thị Tuyết M là 20.700.000đ. Nên Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 3 Điều 26; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] . Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn nghiêm chỉnh chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa các đương sự đều có mặt.

[3]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Về nội dung vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tất cả giấy nhận nợ tiền và vàng của Công ty TNHH Đầu tư D đều ghi nếu lấy tiền, vàng trả ngay, vay tiền và vay vàng đều có có lãi suất. Trước đó Công ty đều trả gốc và lãi hàng tháng cho các nguyên đơn, nhưng

từ tháng 01 năm 2017 Công ty không trả gốc và cũng không trả lãi cho các nguyên đơn. Các nguyên đơn đến đòi nhiều lần Công ty không trả, nên đã khởi kiện ra tòa.

Tính đến ngày 18 tháng 7 năm 2017 hai bên xác nhận Công ty TNHH Đầu tư D còn nợ ông Nguyễn Ngọc P số tiền 130.550.000đ theo giấy vay nhận nợ ngày 13/8/2015 và ngày 05/01/2016; nợ anh Nguyễn Ngọc K số tiền 48.200.000đ theo giấy nhận nợ ngày 22/01/2016; nợ anh Nguyễn Ngọc Q số tiền là 115.800.000đ; nợ chị Nguyễn Thị Tuyết M số tiền là 20.700.000đ theo giấy nhận nợ ngày 25/8/2015. Các đương sự thống nhất quy đổi vàng ra tiền là 3.100.000đ/01 chỉ nhẫn tròn 9999, 01 cây vàng là 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng). Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự là sự thật khách quan, Hội đồng xét xử công nhận nội dung trên

Như vậy ở vụ án này các đương sự đều thống nhất được khoản tiền vay, số lượng vàng vay, tỷ giá vàng quy đổi ra tiền, số tiền Công ty còn nợ các nguyên đơn và các nguyên đơn không yêu cầu Công ty trả lãi. Nhưng các đương sự không thống nhất được phương thức, thời hạn thanh toán tiền. Bị đơn xin được trả dần số tiền trên ít nhất là 100.000đ/tháng, nhiều nhất là 500.000đ/tháng, còn các nguyên đơn không nhất trí yêu cầu phải trả ngay toàn bộ số tiền trên, nên vụ án mới phải đưa ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như trên.

Vì vậy Hội đồng xét xử cần buộc Công ty TNHH Đầu tư D phải trả cho ông P số tiền nợ gốc đã vay là 130.550.000đ, trả cho anh K 48.200.000đ, trả cho anh Q 115.800.000đ, trả cho chị M 20.700.000đ.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Tuy các nguyên đơn cùng khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với Công ty TNHH Đầu tư D, nhưng với số tiền vay khác nhau, thời điểm vay khác nhau nên Công ty phải chịu án phí tương ứng với từng khoản tiền phải trả khác nhau cho các nguyên đơn.

Số tiền án phí phải chịu đối với nghĩa vụ của ông P là 130.550.000đ x 5% = 6.527.000đ; số tiền án phí phải chịu đối với nghĩa vụ của anh K là 48.200.000đ x 5% = 2.410.000đ; số tiền án phí phải chịu đối với nghĩa vụ của anh Q là 115.800.000đ x 5% = 5.790.000đ; số tiền phải chịu đối với nghĩa vụ của chị M là 20.700.000đ x 5% = 1.035.000đ. Vậy tổng số tiền án phí Công ty TNHH Đầu tư D phải chịu là 15.762.000đ (Mười năm triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

- Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông P, anh K, anh Q và chị M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

1. Buộc Công ty TNHH Đầu tư D có nghĩa vụ trả cho: Ông Nguyễn Ngọc P số tiền 130.550.000đ (*Một trăm ba mươi triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*); anh Nguyễn Ngọc K số tiền 48.200.000đ (*Bốn mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng*); anh Nguyễn Ngọc Q số tiền 115.800.000đ (*Một trăm mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng*); chị Nguyễn Thị Tuyết M số tiền 20.700.000đ (*Hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thanh toán tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH Đầu tư D phải chịu tổng số tiền án phí sơ thẩm là 15.762.000đ (*Mười năm triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

Hoàn lại cho ông Nguyễn Ngọc P số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.417.000đ (*Ba triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2014/0003499 ngày 02/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên. Hoàn lại cho anh Nguyễn Ngọc K số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.205.000đ (*Một triệu hai trăm linh năm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2014/0003203 ngày 02/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên. Hoàn lại cho anh Nguyễn Ngọc Q số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3000.000đ (*Ba triệu đồng*) theo biên lai thu số AA/2014/0003202 ngày 02/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên. Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Tuyết M số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 517.000đ (*Năm trăm mười bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2014/0003500 ngày 02/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thị xã Phúc Yên;
- Thi hành án thị xã Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
LƯU THỊ THÚY**